

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 -2023

V/v “Ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

*Các hội thẩm nhân dân:*1. Bà Phạm Thị T1Hương

2. Ông Trần Nhị Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn T1Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:118/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/12/2022; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số: 09/2022/TB-TA ngày 19/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST- DS ngày 04/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997, vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Hoàng Tuấn T, sinh năm 1995, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu không hòa giải và giải quyết vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện, bản tự khai bà Nguyễn Thị Thu T đã trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Hoàng Tuấn T sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện và đăng ký kết hôn tại xã Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng

5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lo lắng cho nhau, thường xuyên tranh cãi dẫn đến không hạnh phúc, bà T thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông T1 do không thể hàn gắn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Tuấn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/6/2017 và Hoàng Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/12/2020. Khi ly hôn bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi 02 con chung Hoàng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/6/2017 và Hoàng Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/12/2020 cho đến khi trưởng thành tự lao động được, việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T tự thỏa thuận với ông Thanh.

Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà T khai vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Hoàng Tuấn T: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về việc thụ lý vụ, thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có bản tự khai, bày trình bày ý kiến của ông Thanh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà Nguyễn Thị Thu T ly hôn với ông Hoàng Tuấn T

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/6/2017 và Hoàng Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/12/2022 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Tuấn T, có nơi cư trú tại: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến vụ án, tuy nhiên ông Hoàng Tuấn T không chấp hành theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 04/01/2023 ông Hoàng Tuấn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Hoàng Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu T và ông Hoàng Tuấn T.

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T thấy rằng:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Hoàng Tuấn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 08 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống. Hiện nay vợ chồng đã ly thân. Qua xác minh tại nơi cư trú của đương sự đã xác định vợ chồng bà T, ông T1 có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau, vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc, hiện nay bà T, ông T1 đã ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T, ông T1 đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T1 có một 02 con chung là Hoàng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/6/2017 và Hoàng Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/12/2020, qua xác minh thực tế hiện nay cả 02 con chung đang ở với bà T, được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi 02 chung. Vì vậy giao 02 con chung Hoàng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/6/2017 và Hoàng Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/12/2020 cho bà T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được là phù hợp thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bà Nguyễn Thị Thu T ly hôn với ông Hoàng Tuấn Thành (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao 02 con chung Hoàng Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 29/6/2017 và Hoàng Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 23/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Thu T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét

5. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0014176 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

DƯƠNG QUỐC THÀNH